

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-01-2026  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Đình Quân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: ấp S, xã C, thành phố Cần Thơ; cư trú tại: Nhà T, Ô, đường N, tổ A, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Danh Văn L, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau; cư trú tại: Nhà T, Ô, Lô D, đường D, tổ A, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: bà N và ông L tổ chức lễ cưới năm 2014 và đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau); hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà N và ông L lên Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ở trọ và làm công nhân. Năm 2021, bà N và ông L về quê bà N ở tỉnh Sóc Trăng sinh sống và chăn nuôi bò. Năm 2023, bà N và ông L

làm ăn thua lỗ nên đến thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân: ông L thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè; thu nhập hàng tháng của ông L đều gửi cho gia đình ông L mà không lo cho vợ con; vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà N và ông L sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Bà N nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: bà N và ông L có hai con chung tên Danh Ngọc Bảo L1, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Danh Thị Bảo N1, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2017; hai con đều muốn sống cùng bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung và nợ chung: bà N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp. Bà N khai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Nguyên nhân do ông L không cùng bà N chăm lo, xây dựng gia đình; ông L thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè; tiền lương của ông L đều gửi về cho gia đình ông L; vợ chồng cãi nhau. Bà N và ông L đã không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trên cơ sở lời khai của bà N cũng như nơi sinh sống hiện nay của bà N và ông L thì thấy: bà N và ông L là vợ chồng nhưng đã không sống chung với nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Xét thấy hôn nhân của bà N và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà N và ông Lâm ly H.

Về nuôi con chung: bà N và ông L có hai con chung tên Danh Ngọc Bảo L1, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Danh Thị Bảo N1, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2017; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Xét thấy: hiện nay cháu L1 hơn 10 tuổi, cháu N1 hơn 08 tuổi và đang sống cùng bà N; cháu L1 và cháu N1 đều có nguyện vọng sống với mẹ (bút lục 29 và 30). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, ông L có trách nhiệm giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. **Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu** theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: bà N và ông L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Danh Văn L về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho bà Trần Thị N ly hôn với ông Danh Văn L.

Về nuôi con chung: ông Danh Văn L có trách nhiệm giao hai con chung tên Danh Ngọc Bảo L1, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015 và Danh Thị Bảo N1, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2017 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi. Bà Trần Thị N không yêu cầu ông Danh Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Danh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. **Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.**

Về chia tài sản và nợ chung: bà Trần Thị N và ông Danh Văn L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029706 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Trần Thị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: **nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
  - VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
  - Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
  - UBND xã Hồ Thị Kỷ, tỉnh Cà Mau;
- (Giấy CNKH số 220/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 01/10/2014 tại UBND xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cũ);
- Đương sự;
  - Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
  - Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyên**